

**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG**

*Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho 6 tháng đầu năm 2019, kết thúc ngày 30/06/2019
đã được soát xét*



Được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh ĐT: 028.38205944 Fax: 028.38205942

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	03 - 04
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	09 - 09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10 - 11
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	12 - 12
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	13 - 25

SỐ 1
CÔNG
NHIÊN
VỤ
HÌNH
KIỂM
T. PH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho 6 tháng đầu năm 2019, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (trước đây là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chiến Thắng) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép ban đầu số 24/UBCK – GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 23/GPĐC - UBCK ngày 03 tháng 09 năm 2015 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30/06/2019 là 39.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ: Tầng 5, toà nhà Crescent Residence 3, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM.

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho 6 tháng đầu năm 2019 là 511.059.954 VND. Lợi nhuận sau thuế cho 6 tháng đầu năm 2018 là 419.730.430 VND.

Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 là (8.580.331.850) VND. Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là (9.523.374.213) VND.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị:

Ông :	Albert Kwang - Chin Ting	Chủ tịch
Ông :	Ho, Feng Tao	Thành viên
Ông :	Wu, Jin - Jeng	Thành viên
Bà :	Huang, Wan - Hui	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc:

Ông :	Ho, Feng Tao	Tổng Giám đốc
-------	--------------	---------------

Các thành viên Ban Kiểm soát:

Ông :	Liew, Sep - Siang	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông :	Lii, San - Rong	Thành viên BKS
Bà :	Chang, Wen - Ning	Thành viên BKS

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2019. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập các báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho 6 tháng đầu năm 2019, phù hợp với chế độ kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 và TT 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp đối với công ty quản lý quỹ.

Phê duyệt các báo cáo tài chính giữa niên độ

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2019, kết thúc ngày 30/06/2019 của Công ty.

Tp.HCM, ngày 05 tháng 7 năm 2019

Hay tại Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Albert Kwang - Chin Ting



**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho 6 tháng đầu năm 2019
của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng**Kính gửi:**
- Cổ đông Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ cho 06 tháng đầu năm 2019 kết thúc vào ngày 30/06/2019 kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng, được lập ngày 05/07/2019, từ trang 06 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT - BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng tại ngày 30/06/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2019

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng Giám đốc



Dương Thị Quỳnh Hoa

Số giấy CNĐKHN KTV: 0424-2018-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V. 1	335.988.113	3.800.969.652
1. Tiền	111		335.988.113	1.300.969.652
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V. 2	28.500.000.000	25.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		28.500.000.000	25.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		1.540.313.359	1.383.619.004
1. Phải thu khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		20.000.000	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.3	373.179.113	312.386.126
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4.1	1.147.134.246	1.071.232.878
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		183.333.333	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	183.333.333	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		42.532.000	42.532.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.4.2	42.532.000	42.532.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
TÀI SẢN				
II. Tài sản cố định				
1. Tài sản cố định hữu hình	220		-	-
- Nguyên giá	221		-	-
- Nguyên giá	222		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228	V.6	397.464.302	397.464.302
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(397.464.302)	(397.464.302)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		30.602.166.805	30.227.120.656
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		182.498.655	318.512.460
I. Nợ ngắn hạn	310		182.498.655	318.512.460
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		-	-
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	158.498.655	236.424.210
5. Phải trả người lao động	315		-	38.088.250
6. Chi phí phải trả	316	V.7	24.000.000	44.000.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		-	-
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		30.419.668.150	29.908.608.196
I. Vốn chủ sở hữu	410		30.419.668.150	29.908.608.196
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.9	39.000.000.000	39.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(8.580.331.850)	(9.091.391.804)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		30.602.166.805	30.227.120.656

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A	B	C	1	2
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)	005		90,94	96,44

Lập ngày 05 tháng 07 năm 2019

Người lập biểu

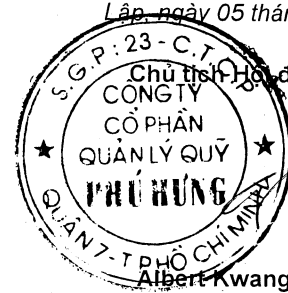


Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Linh



Albert Kwang - Chin Ting



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
A	B	C	1	2
1. Doanh thu	01	V.9.1	587.352.131	307.275.034
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		587.352.131	307.275.034
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		587.352.131	307.275.034
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.9.2	1.111.123.655	1.110.631.793
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.10	1.013.761.511	891.931.289
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		684.714.275	525.975.538
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32	V.11	36.711.466	1.050.000
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(36.711.466)	(1.050.000)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		648.002.809	524.925.538
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.12	136.942.855	105.195.108
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		511.059.954	419.730.430
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		131	108

Lập, ngày 05 tháng 07 năm 2019

Người lập biểu

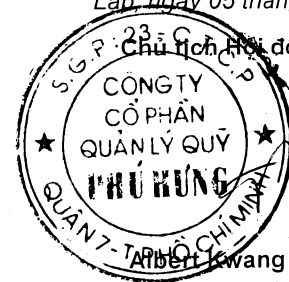


Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Linh



Nguyễn Quang - Chin Ting

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)
6 tháng đầu năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		526.559.144	163.033.899
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(522.395.388)	-
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(637.563.954)	(577.310.382)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(213.881.710)	(38.003.395)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		-	-
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(185.921.919)	(404.636.737)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.033.203.827)	(856.946.615)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.500.000.000)	-
4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.068.213.126	56.864.670
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.431.786.874)	56.864.670
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)
6 tháng đầu năm 2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(3.464.990.701)	(800.051.945)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.800.969.652	3.972.613.444
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		9.162	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		335.988.113	3.172.561.499

Lập, ngày 05 tháng 07 năm 2019

Người lập biểu



Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Linh



Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nguyễn Hoàng - Chin Ting



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Kỳ trước 01/01/2018	Kỳ này 01/01/2019	Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước 30/06/2018	Kỳ này 30/06/2019
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		39.000.000.000	39.000.000.000					39.000.000.000	39.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần									
3. Vốn khác của chủ sở hữu									
4. Cổ phiếu quỹ (*)									
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản									
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái									
7. Quỹ đầu tư phát triển									
8. Quỹ dự phòng tài chính									
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		(9.943.104.643)	(9.091.391.804)	419.730.430	-	511.059.954	-	(9.523.374.213)	(8.580.331.850)
10. Lợi nhuận chưa phân phối		29.056.895.357	29.908.608.196	419.730.430	-	511.059.954	-	29.476.625.787	30.419.668.150
Cộng									

Người lập biểu

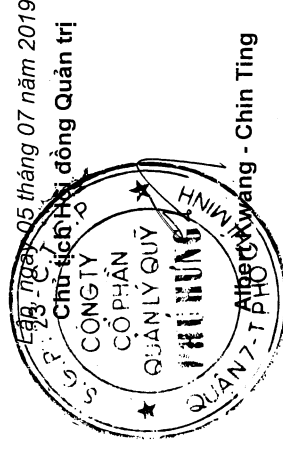


Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Linh



1729
CÔNG TY
QUẢN LÝ
QUỸ
PHÚ HƯNG
KẾ TOÁN
TRƯỞNG
NGUYỄN
HẢI LINH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**6 tháng đầu năm 2019****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Phú Hưng (trước đây là Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Chiến Thắng) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép ban đầu số 24/UBCK – GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 23/GPĐC – UBCK ngày 03 tháng 09 năm 2015 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30/06/2019 là 39.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ: Tầng 5, tòa nhà Crescent Residence 3, 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Dịch vụ chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán

4. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không có.

5. Tổng số nhân viên: 15 người, trong đó có 06 nhân viên được cấp chứng chỉ hành nghề.**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Công ty quản lý quỹ ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/9/2011 và TT 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp đối với công ty quản lý quỹ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền****Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền**

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập báo cáo.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**6 tháng đầu năm 2019****Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở nhiều tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phần mềm máy tính

03 năm

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

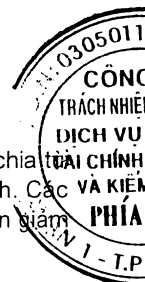
Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**6 tháng đầu năm 2019****Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn.**

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Phương pháp xác định giá thị trường đối với cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch TP HCM và Sở Giao dịch Hà Nội (không bao gồm Sàn giao dịch UpCom)

- Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán;
- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau :

- + Giá trị sổ sách
- + Giá mua
- + Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán

Tức là : Max (Giá trị sổ sách ; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ)

- Phương pháp xác định giá thị trường đối với cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom

- Giá giao dịch bình quân của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán;
- Trường hợp không có giá giao dịch nhiều hơn (02) tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau :

- + Giá trị sổ sách
- + Giá mua
- + Giá theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán .

Tức là : Max (Giá trị sổ sách ; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ)

- Phương pháp xác định giá thị trường đối với cổ phiếu nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch :

- Giá trị trung bình dựa trên báo cáo giá của tối thiểu 03 công ty chứng khoán không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán;

- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 công ty chứng khoán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau :

- + Giá từ các báo giá
- + Giá của các kỳ báo cáo gần nhất
- + Giá trị sổ sách
- + Giá mua
- + Giá theo quy định nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán

Tức là : Max (Giá từ các báo cáo; Giá của kỳ báo cáo gần nhất ; Giá trị sổ sách ; Giá mua; Giá xác định theo phương pháp nội bộ của tổ chức kinh doanh chứng khoán)

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

29-C
TY
HỮU H
TƯ VÀ
KẾ TO
TOÁN
NAM
HỒ C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2019

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.
- Chi phí di dời văn phòng

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được phân loại là nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2019

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2019

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán.

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt (*)	7.656.849	138.871
Tiền gửi ngân hàng (**)	328.331.264	1.300.830.781
Tiền gửi ngân hàng VND	326.217.364	1.298.598.195
Tiền gửi ngân hàng BIDV	61.212.289	1.618.563
Tiền gửi ngân hàng Vietcombank - CN Nam Sài Gòn	265.005.075	1.296.979.632
Tiền gửi ngân hàng USD	2.113.900	2.232.586
Tiền gửi ngân hàng BIDV (USD)	2.113.900	2.232.586
Tương đương tiền	-	2.500.000.000
Tổng cộng	<u>335.988.113</u>	<u>3.800.969.652</u>

Ghi chú:

(*) Tiền mặt tồn quỹ trên bảng cân đối kế toán ngày 30/06/2019 khớp với biên bản kiểm kê thực tế.

(**) Tiền gửi Ngân hàng vào ngày 30/06/2019 trên bảng cân đối kế toán phù hợp với các xác nhận số dư của Ngân hàng.

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
2.1. Trái phiếu doanh nghiệp có kỳ hạn gốc 12 tháng		25.000.000.000		25.000.000.000
Trái phiếu công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Phú Lập	25	25.000.000.000	25	25.000.000.000
2.2. Tiền gửi có kỳ hạn (từ 3 tháng đến 12 tháng)		3.500.000.000		-
Tiền gửi ngân hàng BIDV ⁽¹⁾		1.000.000.000		-
Tiền gửi ngân hàng Nam Á ⁽²⁾		1.500.000.000		-
Tiền gửi ngân hàng Vietcombank - CN TP. Hồ Chí Minh ⁽³⁾		1.000.000.000		-
Tổng cộng		<u>28.500.000.000</u>		<u>25.000.000.000</u>

(1) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2019/2089231/HĐTG ngày 17/01/2019, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,8%/năm.

(2) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 97/2019/HĐTG-NHNA-H.NGHI và số 98/2019/HĐTG-NHNA-H.NGHI ngày 29/01/2019, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 7,8%/năm.

(3) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 27/HĐTG-PGD4 ngày 31/01/2019, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6,8%/năm.

3. CÁC KHOẢN PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu hoạt động quản lý quỹ	373.179.113	312.386.126
Tổng cộng	<u>373.179.113</u>	<u>312.386.126</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2019

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**4.1. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi, lãi trái phiếu	1.114.134.246	1.071.232.878
Đặt cọc thuê căn hộ	33.000.000	-
Tổng cộng	<u>1.147.134.246</u>	<u>1.071.232.878</u>

4.2. Dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đặt cọc thuê văn phòng	39.732.000	39.732.000
Đặt cọc vỏ bình nước	500.000	500.000
Đặt cọc thuê máy photocopy	2.300.000	2.300.000
Tổng cộng	<u>42.532.000</u>	<u>42.532.000</u>

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**Ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê căn hộ	183.333.333	-
Tổng cộng	<u>183.333.333</u>	<u>-</u>



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2019

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ vô hình					
1. Số dư đầu năm				397.464.302	397.464.302
2. Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Mua trong kỳ					
- Tặng khác					
3. Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4. Số dư cuối kỳ	-	-	-	397.464.302	397.464.302
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm				397.464.302	397.464.302
2. Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Khấu hao tăng trong kỳ					
- Tặng khác					
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<i>Bao gồm:</i>					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
4. Số dư cuối kỳ	-	-	-	397.464.302	397.464.302
III. Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình					
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-

Ghi chú:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 397.464.302 VND



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**6 tháng đầu năm 2019**

Đơn vị tính: VND

7. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước chi phí kiểm toán	24.000.000	44.000.000
Tổng cộng	24.000.000	44.000.000

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
- Thuế TNDN	213.881.710	136.942.855	213.881.710	136.942.855
- Thuế Thu nhập cá nhân	22.542.500	36.192.750	37.179.450	21.555.800
Tổng cộng	236.424.210	173.135.605	251.061.160	158.498.655

9. VỐN CỔ PHẦN

	số cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn cổ phần được duyệt	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

	số cổ phiếu	Vốn góp tại ngày 30/06/2019	% sở hữu
Ông Albert Kwang - Chin Ting	1.560.000	15.600.000.000	40%
Ông Ting, Kwang Hung	1.560.000	15.600.000.000	40%
Bà Chen, Hsiao-Fan	780.000	7.800.000.000	20%
Tổng cộng	3.900.000	39.000.000.000	100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**6 tháng đầu năm 2019**

Đơn vị tính: VND

9. DOANH THU

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
9.1. Doanh thu hoạt động nghiệp vụ		
- Tổng doanh thu	587.352.131	307.275.034
+ Doanh thu hoạt động quản lý quỹ (*)	247.352.131	247.275.034
+ Doanh thu hoạt động tư vấn	340.000.000	60.000.000
9.2. Doanh thu hoạt động tài chính	1.111.123.655 ¹	1.110.631.793
- Lãi tiền gửi	57.347.371	56.836.735
- Lãi trái phiếu doanh nghiệp	1.053.767.122	1.053.767.123
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.162	27.935

(*) Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu Tư Triển Vượng Việt Nam (VPDF) và Quỹ đầu tư Phát triển Hằng Thông (HTDF), các quỹ đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Công ty được nhận phí quản lý và phí thường hoạt động từ VPDF và HTDF. Phí quản lý bằng 0,5% giá trị tài sản ròng mỗi năm. Phí thường hoạt động chỉ được nhận khi công ty đáp ứng được các điều kiện được nêu trong hợp đồng dịch vụ quản lý quỹ đầu tư.

10. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	761.385.923	657.494.751
- Chi phí đồ dùng văn phòng	17.827.057	4.237.304
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	182.073.960	186.210.500
- Chi phí bằng tiền khác	49.474.571	40.989.021
Tổng cộng	1.013.761.511	891.931.289

11. CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
- Chi phí khác	36.711.466	1.050.000
Tổng cộng	36.711.466	1.050.000

12. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	136.942.855	105.195.108
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		
Tổng cộng	136.942.855	105.195.108

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2019

Đơn vị tính: VND

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2019 VND	6 tháng đầu năm 2018 VND
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	648.002.809	524.925.538
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	36.711.466	1.050.000
+ Các khoản điều chỉnh tăng:		
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	36.711.466	1.050.000
+ Các khoản điều chỉnh giảm:		
- Tổng thu nhập chịu thuế	684.714.275	525.975.538
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (20%)	136.942.855	105.195.108
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	511.059.954	419.730.430



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2019

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị tính: VND

18. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính:	-	-
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu	-	-
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu	-	-
b- Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo	-	-
- Tổng giá trị mua hoặc thanh lý	-	-
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý được thanh toán bằng tiền và khoản tương đương tiền;	-	-
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý	-	-
- Phần giá trị tài sản (tổng hợp theo từng loại tài sản) và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý trong kỳ	-	-
c- Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện	-	-

VII. Thông tin bổ sung cho báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

- Phần cổ tức đã được đề xuất, hoặc được công bố sau ngày lập Bảng cân đối kế toán nhưng trước khi báo cáo tài chính được phép phát hành: Không
- Giá trị cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận : Không
- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu:
 - Thu nhập: Không phát sinh
 - Chi phí: Không phát sinh
 - Lãi (lỗ): Không phát sinh

VIII. Những thông tin khác

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:
Không có các khoản nợ tiềm tàng hoặc các cam kết khác cần phải công bố
- Những sự kiện phát sinh sau ngày 30/06/2019
Không có sự kiện trọng yếu sau ngày kết thúc niên độ kế toán
- Thông tin về các bên liên quan:
Không phát sinh các bên có liên quan
- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý) theo quy định của chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận"
Không phát sinh Báo cáo bộ phận theo CMKT số 28
- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước): không

01172
CÔNG T
NHIỆM HỮ
VỤ TỰ
NH KẾ
KIỂM TO
TIA NAM
P. PHỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu năm 2019

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

7. Thông tin đối với mỗi loại cổ phiếu:

- Số cổ phiếu được phép phát hành	3.900.000	
- Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	3.900.000	
- Số cổ phiếu đã được phát hành và chưa được góp vốn đầy đủ	Không	
- Mệnh giá của cổ phiếu hoặc các cổ phiếu không có mệnh giá	10.000 Đ/CP	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số cổ phiếu của công ty đang lưu hành	3.900.000	3.900.000
- Các cổ phiếu đang dự trữ để phát hành	Không	Không

8. Những thông tin khác:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho 6 tháng đầu năm 2018, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 và Báo cáo tài chính năm 2018, kết thúc tại ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam.

Người lập biểu

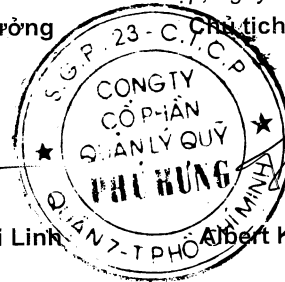
Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng

Nguyễn Hải Linh

Lập, ngày 05 tháng 07 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Albert Kwang - Chin Ting

